

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 – ĐỒNG THÁP
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25/9/2025
V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia
đình - Ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – ĐỒNG THÁP, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Cẩm Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Quang Thanh;
- Ông Nguyễn Hồng Thơ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Đồng Tháp, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2025 về việc: “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Đ (N), sinh năm 1993.

Địa chỉ: Số 14, đường BT, Khóm C, Phường M, thành phố Cao Lãnh (nay là Khóm C, Phường C), tỉnh Đồng Tháp

2. Bị đơn: Anh Huỳnh Khương D, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số 14, đường BT, Khóm C, Phường M, thành phố Cao Lãnh (nay là Khóm C, Phường C), tỉnh Đồng Tháp.

(Chị Đỗ Thị Đ có mặt, anh Huỳnh Khương D vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/3/2025, 23/5/2025; trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Đỗ Thị Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Đ và anh Huỳnh Khương D kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 2, thành phố Cao Lãnh (nay là Ủy ban nhân dân Phường Cao Lãnh) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số

041/2014 ngày 11/8/2014. Đến đầu năm 2017, chị Đ phát hiện anh D có quan hệ tình cảm với nhiều người phụ nữ khác, chị Đ đã nhiều lần khuyên giải nhưng anh D không thay đổi dẫn đến gia đình thường xuyên mâu thuẫn, ảnh hưởng đến tâm lý, học hành của con chung. Vợ chồng còn sống chung nhà nhưng mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Nay chị Đ nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Đỗ Thị Đ yêu cầu xin ly hôn với anh Huỳnh Khương D. Chị Đ không yêu cầu xử lý hành vi có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác của anh D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Huỳnh Gia L, sinh ngày 03/8/2015 và Huỳnh Nhật M, sinh ngày 26/11/2018. Hiện nay hai con chung đang sống với vợ chồng. Khi ly hôn, chị Đ yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung, yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi hai con chung hàng tháng với mức cấp dưỡng mỗi con là $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu vùng tương đương 1.930.000 đồng/tháng/cháu, cấp dưỡng từ tháng 10/2025 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Huỳnh Khương D: Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Đồng Tháp đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh D nhưng anh D không có văn bản trình bày ý kiến về nội dung vụ án, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì liên quan đến vụ án, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Chị Đỗ Thị Đ yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Khương D và chị Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi hai con chung nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con”.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Huỳnh Khương D là bị đơn trong vụ án có địa chỉ: Số 14, đường BT, Khóm C, Phường M, thành phố Cao Lãnh (nay là Khóm C, Phường C), tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Đồng Tháp, tỉnh Đồng Tháp.

[1.3] Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ đối với anh Huỳnh Khương D nhưng anh D vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Đ và anh Huỳnh Khương D tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn theo giấy đăng ký số 041/2014 ngày 11/8/2014 tại Ủy ban nhân dân Phường 2, thành phố Cao Lãnh (nay là Ủy ban nhân dân Phường Cao Lãnh) nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử xét thấy, chị Đ trình bày trong quá trình vợ chồng chung sống có phát sinh mâu thuẫn do anh D có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, chị Đ đã nhiều lần khuyên can nhưng anh D không thay đổi. Chị Đ và anh D còn sống chung nhà nhưng đời sống vợ chồng đã không còn từ 01 năm nay, mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Đ xác định đã không còn tình cảm với anh D, chị không yêu cầu xử lý hành vi của anh D về việc có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác chỉ yêu cầu được ly hôn với anh D. Về phía anh D, mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh D nhưng đến nay anh D vẫn không đến Tòa án trình bày ý kiến hay có văn bản thể hiện phản đối yêu cầu ly hôn của chị Đ.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị Đ và anh D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đỗ Thị Đ, chị Đỗ Thị Đ được ly hôn với anh Huỳnh Khương D.

[2.2] Về con chung: Căn cứ lời trình bày của chị Đ, giấy khai sinh số 118/2015 ngày 31/8/2015 và Giấy khai sinh số 04 ngày 03/01/2019 tại Ủy ban nhân dân Phường 2, thành phố Cao Lãnh, xác định chị Đ và anh D có hai con chung là Huỳnh Gia L, sinh ngày 03/8/2015 và Huỳnh Nhật M, sinh ngày 26/11/2018, hiện nay hai con chung đang sống chung với chị Đ và anh D.

Sau khi ly hôn, chị Đ yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung Huỳnh Gia L và Huỳnh Nhật M. Hội đồng xét xử xét thấy, chị Đ đang là giáo viên làm việc tại Trường Tiểu học Nhị Mỹ, Phường Mỹ Trà, đảm bảo về thời gian, thu nhập hàng tháng ổn định để nuôi con. Anh D biết việc chị Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung nhưng không có văn bản ý kiến thể hiện sự phản đối yêu cầu của chị Đ và thể hiện nguyện vọng được nuôi dưỡng hai con chung. Do đó, yêu cầu của chị Đ về việc được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là phù hợp với nguyện vọng của con chung và phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đ yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung Huỳnh Gia L và Huỳnh Nhật M. Xét, cháu Huỳnh Gia L và cháu Huỳnh Nhật M là người chưa thành niên và sau khi chị Đ và anh D ly hôn, cháu Gia L và Nhật M do chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng nên chị Đ yêu cầu người không trực tiếp nuôi con là anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với Điều 82, 110, 119 của Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[2.5] Về mức cấp dưỡng nuôi con: Chị Đỗ Thị Đ yêu cầu anh Huỳnh Khương D cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng với mức cấp dưỡng là một nửa

mức lương tối thiểu vùng/tháng/cháu, tương đương 1.930.000 đồng/tháng/cháu, cấp dưỡng định kỳ hàng tháng bắt đầu từ tháng 10/2025 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: *“Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết”*.

Tại khoản 20 Điều 3 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định: *“Nhu cầu thiết yếu là nhu cầu sinh hoạt thông thường về ăn, mặc, ở, học tập, khám bệnh, chữa bệnh và nhu cầu sinh hoạt thông thường khác không thể thiếu cho cuộc sống của mỗi người, mỗi gia đình”*.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Đ và anh D không thỏa thuận được với nhau về mức cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Đ trình bày anh D đang làm tài xế tại Bệnh viện đa khoa Đồng Tháp nhưng chị Đ không biết thu nhập của anh D là bao nhiêu và cũng không thể cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh được nghề nghiệp, thu nhập, khả năng thực tế của anh D.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc hôn nhân và gia đình: *“Tiền cấp dưỡng cho con là toàn bộ chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của con và do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con”*.

Tại Nghị định 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024, Phụ lục 1 kèm theo Nghị định 128/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ thì mức lương tối thiểu vùng tại Phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp là 3.860.000 đồng. Như vậy, yêu cầu của chị Đ về việc yêu cầu anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung với mức cấp dưỡng là 1.930.000 đồng/tháng/cháu, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 10/2025 đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp như đã nhận định nêu trên nên chấp nhận.

[2.5] Về tài sản chung: Chị Đ xác định chị Đ và anh D không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.6] Về nợ chung: Chị Đ xác định chị Đ và anh D không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Đỗ Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn, anh Huỳnh Khương D phải chịu án phí cấp

dưỡng nuôi con chung theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, khoản 1 Điều 116, khoản 1 Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Đỗ Thị Đ. Chị Đỗ Thị Đ được ly hôn với anh Huỳnh Khương D.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Đỗ Thị Đ.

Chị Đỗ Thị Đ và anh Huỳnh Khương D có hai con chung là Huỳnh Gia L, sinh ngày 03/8/2015 và Huỳnh Nhật M, sinh ngày 26/11/2018, hiện nay con chung đang sống chung với vợ chồng. Sau khi ly hôn, chị Đỗ Thị Đ được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung Huỳnh Gia L, sinh ngày 03/8/2015 và Huỳnh Nhật M, sinh ngày 26/11/2018.

Sau khi ly hôn, người không được quyền nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp người không được quyền nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người được quyền nuôi con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không được quyền nuôi con chung.

Người được quyền nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không được quyền nuôi con chung trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Huỳnh Khương D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung Huỳnh Gia L, sinh ngày 03/8/2015 và Huỳnh Nhật M, sinh ngày 26/11/2018 với mức cấp dưỡng là 1.930.000 đồng/tháng/cháu, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 10/2025 cho đến khi cháu Gia L và Nhật M đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải

chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Đỗ Thị Đ phải chịu số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí về hôn nhân và gia đình ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 0000661 ngày 24/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Anh Huỳnh Khương D phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Chị Đỗ Thị Đ được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Huỳnh Khương D được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS KV6-ĐT;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu: HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Cẩm Hùng

